

Bản án số: 84 /2022/DS-PT
Ngày: 04 - 5 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DSST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B;

Địa chỉ: Số 9/97B, Khu 5, thị trấn T, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn Q;

- Bà Trần Thị Tuyết T;

Cùng địa chỉ: ấp Ngãi H, xã Hòa B, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Quốc T1;

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

3.2. Anh Ngô Hoài Th;

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

3.3. Anh Nguyễn Hoàng A;

Địa chỉ: ấp Ngãi H, xã Hòa B, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Vào tháng 10 năm 2018 do quen biết nên bà B có cho ông Q và bà T vay số tiền 550.000.000 đồng. Việc vay này không có làm biên nhận và thỏa thuận là 01 tháng bà T, ông Q sẽ trả tiền cho bà, đến hạn bà T và ông Q không trả nên có làm biên nhận ngày 17/12/2018 hẹn đến ngày 29/4/2019 sẽ trả nợ cho bà B nhưng đến nay bà T và ông Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông Q có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 550.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Tuyết T và ông Nguyễn Văn Q cùng trình bày:

Giữa ông Q, bà T với bà B không quen biết, ông bà chưa bao giờ vay tiền của bà B. Khoảng tháng 12 năm 2018 bà B có đến gặp ông bà nói là anh Hoàng A là con trai của ông bà vay của bà B số tiền 550.000.000 đồng đến hạn nhưng chưa trả nên buộc vợ chồng ông bà phải lãnh nợ thay cho anh Hoàng A và đe dọa thừa kiện anh Hoàng A. Bà B hứa nếu trong thời hạn 4 tháng ông bà đồng ý trả hết số tiền nợ trên thì bà B sẽ không tính lãi nên ông bà mới đồng ý ký tên vào tờ cam kết trả nợ do bà B lập sẵn. Nay bà Phạm Thị B yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả số tiền 550.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý vì ông bà không có vay tiền của bà B.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Quốc T1 trình bày:

Ông là chồng bà B việc bà B cho ông Q và bà T vay tiền ông cũng biết vì đây là tiền chung của ông bà. Nay bà B yêu cầu bà T, ông Q trả số tiền còn nợ cho bà B ông thống nhất, không có ý kiến khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Đầu năm 2018, anh có vay bà B số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng, vay có lập biên nhận và do làm ăn thất bại nên anh không thể trả tiền vay cho bà B theo thỏa thuận. Đến tháng 12 năm 2018 bà B đến nhà cha mẹ anh là ông Q, bà T tạo áp lực yêu cầu cha mẹ anh trả số tiền nợ là 550.000.000 đồng thay cho anh nhưng cha mẹ anh không có tiền trả nên bà B buộc ông Q và bà T ký văn bản cam kết trả số tiền 550.000.000 đồng. Anh không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà B vì số tiền 550.000.000 đồng là do anh trực tiếp vay từ bà B nên nay anh sẽ trả số tiền này cho bà B nhưng yêu cầu được trừ vào số tiền 150.000.000 đồng anh đã chuyển khoản 21 lần và 1 lần giao tiền mặt trả cho bà B thông qua số tài khoản của anh Th là con bà B nhận.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Hoài Th trình bày:

Anh là con của bà B việc bà B cho ông Q, bà T vay số tiền 550.000.000 đồng anh không biết, không liên quan. Anh thừa nhận có nhận tiền do anh Hoàng A chuyển khoản vào tài khoản của anh tổng cộng 21 lần tiền bằng số tiền 135.000.000 đồng nhưng số tiền này do anh Hoàng A mượn anh trước đó. Việc vay mượn không có văn bản và do thời gian lâu anh không nhớ thời gian mượn và số tiền trên không liên quan đến số tiền 550.000.000 đồng do ông Q, bà T vay của bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463; 466 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Thị B số tiền vay vốn còn nợ 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Số tiền 550.000.000 đồng do anh Hoàng A vay mượn của bà B trước đó nhưng do anh Hoàng A không có khả năng trả nên bà B lập biên nhận buộc ông bà ký cam kết

trả nợ thay. Sau khi ông bà viết cam kết ngày 17/12/2018 thì anh Hoàng A đã nhiều lần chuyển tiền trả nợ cho bà B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của anh Th và giao tiền mặt cho con bà B tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Ông bà đồng ý tiếp tục trả nợ thay cho anh Hoàng A theo tờ cam kết trả nợ lập ngày 17/12/2018 nhưng yêu cầu khấu trừ số tiền anh Hoàng A chuyển khoản cho anh Th con bà B 21 lần tiền bằng 135.000.000 đồng và 1 lần đưa tiền mặt 15.000.000 đồng. Tổng cộng 150.000.000 đồng. Ông bà đồng ý trả nợ thay cho anh Hoàng A số tiền còn lại là 400.000.000 đồng.

Bà B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà T. Bà cho rằng số tiền 550.000.000 đồng do ông Q, bà T trực tiếp hỏi mượn của bà. Bà không quen biết anh Hoàng A, từ trước đến nay bà không có cho anh Hoàng A vay bất cứ khoản tiền nào. Việc anh Hoàng A, ông Q, bà T yêu cầu khấu trừ số tiền anh Hoàng A chuyển khoản cho anh Th (con trai bà) bằng 150.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì việc vay mượn tiền giữa anh Th, anh Hoàng A không liên quan đến bà. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn khấu trừ số tiền anh Hoàng A đưa cho anh Th nhận thì bà không yêu cầu anh Th trả lại số tiền đã nhận và không tranh chấp.

Anh Hoàng A trình bày: Số tiền 550.000.000 đồng do anh nợ bà B. Số tiền anh đã chuyển khoản và trả trực tiếp trả cho anh Th con bà B nhận 22 lần tổng cộng bằng số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 03/02/2019 đến ngày 24/5/2020 là anh thực hiện trả nợ theo tờ cam kết của ông Q, bà T lập ngày 17/12/2018 với bà B nên yêu cầu khấu trừ.

Anh Th thừa nhận anh có nhận tiền do anh Hoàng A chuyển vào tài khoản của anh tổng cộng 21 lần bằng 135.172.700 đồng, lý do anh Hoàng A vay mượn anh làm ăn riêng và anh không có nhận số tiền 15.000.000 đồng của anh Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T. Sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Q, bà T liên đới trả cho bà B số tiền 415.000.000 đồng.

Chi phí giám định: ông Q phải chịu chi phí giám định 8.898.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 6.750.000 đồng; ông Q, bà T phải chịu 20.600.000 đồng. Ông Q, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T cho rằng giữa ông Q, bà T với bà B không quen biết, ông bà chưa bao giờ vay tiền của bà B. Số tiền 550.000.000 đồng do anh Hoàng A là con trai ông bà vay mượn của bà B đầu năm 2018 nhưng do làm ăn thất bại không có tiền trả nên bà B đến nhà tạo áp lực buộc ông bà ký vào tờ cam kết trả nợ thay. Tờ cam kết trả nợ ngày 17/12/2018 (âm lịch) do bên bà B tự lập và bà B lưu giữ, khi ký tên ông bà không được đọc lại nên bà B ghi số tiền 550.000.000 đồng do ông bà nợ là không đúng sự thật. Tại phiên tòa, bà B thừa nhận nội dung tờ cam kết trả nợ ngày 17/12/2018 (âm lịch) do bên bà B tự lập nhưng phần chữ ký là của ông Q, bà T ký hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc.

Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm ông Q, bà T không thừa nhận chữ ký tên của mình tại phần người hứa trả tiền của tờ cam kết do bà B và cho rằng phần họ bà T ghi không đúng nên yêu cầu giám định chữ ký. Tại Kết luận giám định số 130/KL-KTHS ngày 15/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Long đã kết luận phần chữ ký tên tại phần người hứa trả tiền của Tờ cam kết trả nợ ngày 17/12/2018 và chữ ký mẫu thu thập của ông Q, bà T là do cùng một người ký ra. Ngoài ra, ông Q, bà T không cung cấp chứng cứ khác chứng minh biên nhận lập ngày 17/12/2018 (âm lịch) giữa ông Q, bà T với bà B đối với số tiền 550.000.000 đồng là có sự lừa dối của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định ngày 17/12/2018 (âm lịch) ông Q, bà T có xác lập, ký tên tại tờ cam kết nợ của bà B số tiền 550.000.000 đồng.

[2] Ông Q, bà T kháng cáo cho rằng nguồn gốc số tiền 550.000.000 đồng do anh Hoàng A vay của bà B nhưng không có tiền trả đến hạn bà B yêu cầu ông bà trả nợ thay cho anh Hoàng A nhưng do ông bà không có tiền nên bà B buộc ông bà ký tờ cam kết trả nợ nên yêu cầu Tòa án không buộc ông bà trả số tiền

trên. Anh Hoàng A thừa nhận năm 2018 anh có vay của bà B số tiền 550.000.000 đồng và có viết biên nhận. Đến hạn anh không có tiền trả nên bà B buộc cha mẹ anh ký tờ cam kết trả nợ thay anh. Tuy nhiên, bà B không đồng ý và cho rằng từ trước đến nay bà B không quen biết anh Hoàng A, không có cho anh Hoàng A vay mượn bất cứ khoảng tiền nào và giữa bà với anh Hoàng A cũng không có xác lập biên nhận vay tiền. Số tiền 550.000.000 đồng là do bà cho ông Q, bà T mượn, không tính lãi vào tháng 11 năm 2018 để cất nhà và hứa 1 tháng trả, khi mượn không lập biên nhận vay tiền. Tại đơn xác nhận ngày 23/01/2022 ông Nguyễn Tuấn K – Trưởng Ban nhân dân ấp Ngãi H và Ủy ban nhân dân xã Hòa B đều xác nhận năm 2018 ông Nguyễn Văn Q không có xây dựng nhà.

[3] Xét ông Q, bà T kháng cáo cho rằng theo tờ cam kết trả nợ thay ngày 17/12/2018 thì bà B buộc ông bà phải trả dứt số tiền 550.000.000 đồng trước ngày 29/4/2019. Do đó, từ ngày 03/02/2019 đến ngày 24/5/2020 anh Hoàng A đã nhiều lần chuyển tiền trả cho bà B thông qua tài khoản anh Hoài Th nhận tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng và ông bà yêu cầu khấu trừ số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng đồng ý trả tiếp cho bà B.

Tại phiên tòa, anh Hoàng A cho rằng số tiền 550.000.000 đồng do anh vay mượn bà B nhưng do anh không có khả năng trả, bà B đến gặp cha mẹ anh là ông Q, bà T buộc lập giấy cam kết trả nợ thay. Vì vậy, sau khi ông Q, bà T lập tờ cam kết hứa trả hết số tiền vào ngày 29/4/2019 thì từ ngày 03/02/2019 đến ngày 24/5/2020 anh đã chuyển cho anh Ngô Hoài Th (con bà B) 22 lần tiền bằng tổng số tiền là 150.000.000 đồng, trong đó có 21 lần chuyển khoản thông qua số tài khoản của anh Th tổng số tiền là 135.172.700 đồng (trong đó có 172.700 đồng tiền phí chuyển tiền) và một lần trả tiền mặt cho anh Th nhận 15.000.000 đồng. Nay anh đồng ý khấu trừ số tiền trên vào số tiền 550.000.000 đồng ông Q, bà T cam kết trả bà B theo tờ cam kết ngày 17 tháng 12 năm 2018 (âm lịch).

Theo 21 phiếu chuyển khoản do anh Hoàng A chuyển cho anh Hoài Th (con bà B) nhận từ ngày 03/02/2019 đến ngày 24/5/2020 tổng số tiền là 135.172.700 đồng đều có nội dung “Hoàng A trả tiền”. Tại phiên tòa, anh Hoàng A thừa nhận số tiền anh chuyển cho anh Th 135.172.700 đồng (trong đó có 172.700 đồng là phí chuyển tiền). Anh Hoài Th thừa nhận anh Hoàng A có chuyển khoản cho anh nhận 21 lần tiền bằng số tiền 135.000.000 đồng, anh không có nhận tiền mặt do anh Hoàng A đưa trực tiếp 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Th cho rằng số tiền trên là khoản nợ riêng giữa anh Hoàng A với anh, không liên quan đến số tiền 550.000.000 của bà B. Tuy nhiên, anh Th cho rằng việc vay mượn giữa anh với anh Hoàng A không có giấy tờ, anh không nhớ thời gian cho mượn, số tiền cho mượn.

Số tiền anh Hoàng A chuyển khoản cho anh Th nhận 135.000.000 đồng từ ngày 03/02/2019 đến ngày 24/5/2020 là hoàn toàn phù hợp với tờ cam kết trả nợ ngày 17/12/2018 ông Q, bà T hứa trả hết số tiền vào ngày 29/4/2019. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 135.000.000 đồng trên là do anh Hoàng A trả cho bà B nhằm thực hiện thỏa thuận cam kết trả nợ theo tờ cam kết ngày 17/12/2018 của ông Q, bà T đối với số tiền 550.000.000 đồng. Lời phản bác của bà B, anh Hoài Th về số tiền 135.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Còn lại số tiền 15.000.000 đồng anh Hoàng A cho rằng giao trực tiếp cho anh Th nhận ông Q, bà T kháng cáo yêu cầu khấu trừ nhưng anh Th không thừa nhận, ngoài lời trình bày thì anh Hoàng A, ông Q không cung cấp được chứng khác chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét do việc vay mượn tiền giữa anh Hoàng A với việc cam kết trả nợ của ông Q, bà T đối với bà B về số tiền 550.000.000 đồng là liên quan nhau. Tại phiên tòa, bà B cho rằng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn khấu trừ số tiền anh Hoàng A chuyển khoản cho anh Th nhận 135.000.000 đồng thì bà không yêu cầu anh Th trả lại số tiền đã nhận và không tranh chấp. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q, bà T khấu trừ số tiền 135.000.000 đồng anh Hoàng A chuyển khoản cho anh Th nhận vào số tiền 550.000.000 đồng ông Q, bà T cam kết trả cho bà B theo tờ cam kết lập ngày 17/12/2018. Buộc ông Q, bà T trả tiếp cho bà B số tiền 415.000.000 đồng.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên hoàn toàn phù hợp với các nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Chi phí giám định: Do ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giám định chữ ký biên nhận và kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông bà là không có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T phải chịu số tiền 8.896.800 đồng, số tiền trên do ông Nguyễn Văn Q đã nộp tạm ứng xong nên được khấu trừ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận bằng số tiền 6.750.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tương đương số tiền là 20.600.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Q, bà T nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 161 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463; Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Thị B số tiền vốn còn nợ 415.000.000đ (bốn trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B đối với số tiền 135.000.000 đồng.

3. Chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T phải chịu số tiền 8.896.800 đồng, số tiền trên do ông Nguyễn Văn Q đã nộp tạm ứng xong nên được khấu trừ.

4. Án phí:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B phải chịu án phí số tiền 6.750.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 13.000.000 đồng theo biên lai thu số 16576 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn được khấu trừ. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 6.250.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.600.000 đồng.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền ông Q và bà T đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 14109, 14110 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn

được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Tuyết T phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.TÔ: 01;
- VKSND H.TÔ: 01;
- Chi Cục THADS H.TÔ: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca